

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC
TỈNH KIÊN GIANG

Bản án số: 122/2024/DS-ST

Ngày 09/8/2024

V/v: “T/c nợ hui”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Thuận

2. Bà Nguyễn Tường Diễm Linh Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Cẩm Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tạng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 202/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2024 về việc “*Tranh chấp nợ hui*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2024/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1974.

2. Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1960.

Cùng địa chỉ: Khu phố I, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (Bà C, ông Đ có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị M (Nguyễn Thị T), sinh năm 1978.

2. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1985 (chồng bà M).

Cùng địa chỉ: Khu phố I, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (Bà M, ông L có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Nguyễn Thị C, ông Lê Văn Đ trình bày:

Trong thời gian quen biết với vợ chồng bà M nên vợ chồng bà C, ông Đ hoàn toàn tin tưởng và có cho vợ chồng bà M tham gia chơi hụi. Đến ngày 22/6/2023, bà M viết giấy nhận nợ thừa nhận còn nợ tiền hụi của vợ chồng bà số tiền 57.000.000 đồng, nhưng từ ngày viết giấy nhận nợ đến nay bà M không giao trả nữa, ông bà đã nhiều lần yêu cầu bà M giao trả lại số tiền còn lại nói trên nhưng bà M cứ hứa hẹn hết lần này đến lần khác kéo dài cho đến nay vẫn chưa giao trả lại cho ông bà.

Nay bà C, ông Đ đồng khởi kiện yêu cầu: Buộc bà M và ông L phải trả một lần cho ông bà số tiền hụi là 57.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

- Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Bà có chơi hụi do bà C làm chủ, hụi 5.000.000 đồng. Đã hốt hụi và đóng lại được một ít, còn nợ lại 57.000.000 đồng. Sau đó, bà không còn khả năng đóng nữa nên bà có kêu bà C làm biên nhận là bà có nợ bà C 57.000.000 đồng, biên nhận ngày 22/6/2023. Số tiền bà chơi hụi của bà C thì bà dùng chi tiêu cho gia đình vì vợ chồng bà có chiếc ghe biển đánh cá, không có chi phí nên vay mượn tiền và hốt hụi để chi phí cho ghe này, nhưng làm ăn không được, luôn bị thua lỗ nên không có khả năng trả.

Bà đồng ý trả số tiền theo yêu cầu của bà C.

- Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:

Ông có biết bà M có chơi hụi của bà C, còn cụ thể chơi hụi bao nhiêu là nợ bao nhiêu thì ông không rõ. Ông đồng ý trả số tiền nợ bà C, vì việc chơi hụi ông có biết thì ông đồng ý trả.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến khi trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị căn cứ Điều 5, khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biếu, phường.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C và ông Lê Văn Đ đối với bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn L về tranh chấp nợ hui.

Buộc bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn L trả cho bà Nguyễn Thị C và ông Lê Văn Đ số tiền nợ hui là 57.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền theo hợp đồng vay nhưng thực chất là tiền nợ hui đã được các bên xác định nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Tranh chấp nợ hui” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn cư trú tại khu phố I, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang nên theo qui định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C, ông Lê Văn Đ và bị đơn bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn L có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[3] Về nội dung vụ án: Bà C, ông Đồng khởi kiện yêu cầu bà M, ông L phải có nghĩa vụ trả cho ông bà số tiền nợ là 57.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà C, ông Đ và bị đơn bà M, ông L đều thừa nhận bà M có tham gia chơi hui do bà C làm chủ, hui 5.000.000 đồng, đã hốt và đóng lại một ít, còn nợ lại 57.000.000 đồng. Do không còn khả năng trả nên ngày 22/6/2023, bà có làm biên nhận nợ với bà C với nội dung còn nợ bà C 57.000.000 đồng. Từ ngày viết biên nhận nợ đến nay, bà không có trả được số tiền nào cho vợ chồng bà C. Tại buổi hòa giải ngày 04/7/2024, vợ chồng bà C yêu cầu bà M, ông L trả hàng tháng 5.000.000 đồng, tuy nhiên do vắng mặt ông L nên bà M không biết ý kiến ông L như thế nào nên không đồng ý. Tại phiên tòa vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn nên Hội đồng xét xử không ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự được.

Xét thấy, việc chơi hui và nợ hui các bên đã thừa nhận nên đây là tình tiết, chứng cứ không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đến nay vợ chồng bà **M** vẫn chưa trả số tiền nợ cho vợ chồng bà **C**, ông **Đ**, nên bà **C**, ông **Đồng khởi k** yêu cầu vợ chồng bà **M** trả số tiền hụi còn nợ là 57.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hụi, biếu, phường. Bà **C**, ông **Đ** không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **C**, ông **Đ**.

[5] Về án phí: Bà **Nguyễn Thị C**, ông **Lê Văn Đ** yêu cầu được Tòa án chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.425.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006925 ngày 12/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Bà **Nguyễn Thị M**, ông **Nguyễn Văn L** phải chịu án dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả $57.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.850.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 238, 266, 271, 273 và 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hụi, biếu, phường; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Nguyễn Thị C**, ông **Lê Văn Đ** đối với bị đơn bà **Nguyễn Thị M**, ông **Nguyễn Văn L** về tranh chấp nợ hụi.

Buộc vợ chồng bà **Nguyễn Thị M**, ông **Nguyễn Văn L** có nghĩa vụ liên đới trả cho cho bà **Nguyễn Thị C**, ông **Lê Văn Đ** số tiền nợ hụi là 57.000.000 đồng (Năm mươi bảy triệu đồng). Bà **C**, ông **Đ** không yêu cầu tính lãi suất nên không xem xét.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Hoàn trả lại cho bà **Nguyễn Thị C**, ông **Lê Văn Đ** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.425.000 đồng (Một triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn

đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006925 ngày 12/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Buộc bà **Nguyễn Thị M**, ông **Nguyễn Văn L** phải chịu án dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.850.000 đồng (Hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND thành phố Phú Quốc;
- CC.THA dân sự thành phố Phú Quốc;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

Hồ Văn Bình